

Bản án số: **109/2023/HCST**

Ngày: 31-5-2023.

V/v: *Khiếu kiện các quyết
định hành chính về quản lý
đất đai.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Lam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Thái

2. Bà Nguyễn Thục Lương

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Chử Thị Bích Lệ - Thẩm tra viên
chính Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* Bà
Đinh Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 31/5/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tiến hành xét
xử công khai vụ án hành chính sơ thẩm đã thụ lý 526/2017/TLST-HC ngày
19/12/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2021/QĐXXST ngày 23
tháng 7 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 129/2021/QĐST - HC ngày
10/8/2021, Thông báo mở lại phiên tòa số 191/TB – THC ngày 12/5/2023 và
Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2023/QĐST – HC ngày 24/5/2023, giữa các
đương sự:

Người khởi kiện: Ông Trương Quang T, sinh năm 1925.

HKTT: Thôn D, xã T, huyện M, thành phố Hà Nội

Hiện đang ở tại: Phòng XX – Tầng 2X Tòa nhà CTX Y, xã T, huyện T,
thành phố Hà Nội. (có mặt tại phiên tòa)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Bà Bùi Thị Hải L, sinh năm 1976
- Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý – Sở Tư pháp thành phố Hà
Nội. (có mặt tại phiên tòa)

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện M, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thanh H, Phó Chủ tịch UBND
huyện M. (vắng mặt tại phiên tòa)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Văn Trung – Chủ tịch UBND xã T.
(vắng mặt tại phiên tòa)

2. Công ty cổ phần V. Địa chỉ: Số 13-S1 khu đô thị H, xã Đ, thành phố
V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện theo ủy quyền: Bà **Trần Thu H** – Phó Giám đốc Ban quản lý dự án Khu biệt thự thung lũng Hoa Hồng thuộc Công ty cổ phần V. (vắng mặt tại phiên tòa)

3. Bà **Trương Thị H**, sinh năm 1974, nơi ở: Xóm Đ, thôn Y, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội. (có mặt tại phiên tòa)

4. Bà **Trương Thị T**, sinh năm 1976, nơi ở: Phòng XX – Tầng 2X Tòa nhà CT5^b Y, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội. (có mặt tại phiên tòa)

5. Bà **Trương Thị H**, sinh năm 1978, nơi ở: Thôn D, xã T, huyện M, TP Hà Nội. (vắng mặt tại phiên tòa)

6. Bà **Trương Thị H1**, sinh năm 1981, nơi ở: Đường 3, thôn Hồng Thái, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên. (vắng mặt tại phiên tòa)

7. Bà **Phạm Thị C**, sinh năm 1940, nơi ở: Xóm C, D, xã T, huyện M. (vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Năm 2001, hộ gia đình bà Phạm Thị S (chồng là ông Trương Quang T) được Ủy ban nhân dân huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 471625 (vào sổ số 01847 QSDĐ/691/QĐ-UB) ngày 27/11/2001 (đứng tên chủ hộ là bà Phạm Thị S), trong đó có thửa đất số 257, tờ bản đồ số 24, diện tích 408 m² (tuy nhiên, theo báo cáo của Ủy ban nhân dân xã T thửa đất này là đất giao thầu cho hộ bà S, không phải là đất nông nghiệp quỹ 1 và có sự sai sót khi kê khai và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này).

Năm 2003, hộ bà Phạm Thị C sau khi đã trả hết nợ sản phẩm, được Hợp tác xã thôn D điều chuyển thửa đất số 257, tờ bản đồ số 24, diện tích 408m² của hộ bà Phạm Thị S để giao cho canh tác và sử dụng ổn định.

Năm 2008, dự án của Công ty cổ phần V triển khai thực hiện thu hồi đất và giải phóng mặt bằng, thửa đất số 257, tờ bản đồ số 24, diện tích 408m² được UBND xã T kê khai và xác nhận là của hộ bà Phạm Thị C (đã được giao và sử dụng ổn định từ 2003 đến thời điểm thu hồi đất). Căn cứ hồ sơ kê khai và xác nhận của UBND xã T, UBND huyện M đã ban hành Quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường cho hộ bà Phạm Thị C là chủ sử dụng đối với thửa đất trên.

Sau khi có quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường cho hộ bà Phạm Thị C, ông Trương Quang T có đơn kiến nghị về việc đề nghị được bồi thường cho gia đình ông đối với thửa đất số 257, tờ bản đồ số 24, diện tích 408m² thu hồi vào dự án của Công ty CP V.

Báo cáo số 81/BC-UBND ngày 20/10/2011 của UBND xã T về việc giải quyết đơn thư của ông Trương Quang T, thôn D, xã T, huyện M, thành phố Hà Nội. Nội dung: *...Diện tích đất 408m² thuộc tờ bản đồ số 42 – 78, số thửa 257 xir đồng Gò Táo mang tên bà Phạm Thị S thôn đã thu lại diện tích đó giao cho gia đình bà Phạm Thị C canh tác từ năm 2003 đến nay nhưng cán bộ thôn không chuyển diện tích từ nhà bà S sang nhà Bà C, diện tích 408m² vẫn thể hiện ở sổ đỏ gia đình bà S xir đồng Gò Táo. Khi dự án Nam Sơn vào địa phương, thôn đã quy chủ diện tích đất này cho gia đình bà Phạm Thị C là người thực tế canh tác đến nay. Đồng thời niêm yết danh sách công khai tại Trụ sở nhà văn*

hóa thôn, không có ý kiến và thắc mắc gì nên Công ty CP V đã trả đền bù diện tích đất 408m² cho bà Phạm Thị C.

Ngày 31/10/2011, UBND xã T đã ban hành Công văn số 150/UBND - HC về việc giải quyết đơn thư của ông Trương Quang T. Nội dung: *UBND xã T tiến hành mở các Hội nghị làm việc ngày 5/10/2011, ngày 18/10/2011 gồm có các ông bà là Trưởng, Phó thôn và các ông bà nguyên là Trưởng, Phó thôn nhiệm kỳ 2002 – 2004 cùng gia đình bà Phạm Thị C thôn D là người có liên quan sử dụng 408m² từ năm 2003 đến nay và chủ Dự án Nam Sơn, kết quả không thành. UBND xã lập báo cáo số 81/BC-UBND ngày 20/10/2011 báo cáo UBND huyện M, Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Huyện xem xét giải quyết theo thẩm quyền.*

Văn bản số 267/UBND-HC ngày 19/11/2015 của UBND xã T về việc trả lời đơn đề nghị của ông Trương Quang T thôn D, xã T. Nội dung: *căn cứ căn Công văn số 150/UBND - HC, Báo cáo số 81/BC-UBND trả lời việc ông T có đơn đòi quyền sử dụng diện tích đất nông nghiệp 408m² tại thửa đất số 257 tờ bản đồ số 24 trong khi thực hiện chính sách đất đai địa phương đã giao cho hộ bà Phạm Thị C sử dụng ổn định từ năm 2003 đến năm 2008 dự án V thu hồi đất. Đề nghị của ông T không có cơ sở để giải quyết.*

Sau đó, UBND xã T đã ban hành Báo cáo số 263/BC-UBND ngày 19/11/2015; Văn bản số 204/UBND-HC ngày 26/7/2016; Báo cáo số 198/BC-UBND ngày 26/7/2016; trả lời UBND huyện M, Ban tiếp công dân về nội dung đơn khiếu nại của ông T.

Tại Báo cáo số 286/BC-UBND ngày 3/11/2016 của UBND xã T về việc xác minh kiểm tra rà soát diện tích đất nông nghiệp quỹ 1 và số nhân khẩu được giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP đối với hộ bà Phạm Thị S (vợ ông T). Nội dung: *Thửa đất số 257, tờ bản đồ số 24 diện tích 408m² là loại đất quỹ 2 của UBND xã đã được thôn D điều chuyển cho hộ nợ sản phẩm giữ ruộng trả hết nợ năm 2003 và thôn đã giao thửa đất trên cho hộ bà Phạm Thị C làm đất quỹ 1 canh tác đến năm 2008 hộ Bà C bị thu hồi đất làm dự án. Tại thời điểm năm 1993, hộ bà S được giao 5 khẩu nông nghiệp trong đó có bà S và 04 con, không có ông T. Diện tích nông nghiệp hộ bà S trên thực tế sản xuất nhiều hơn diện tích giao tiêu chuẩn là 381m². Như vậy, việc điều chuyển số diện tích tại thửa số 257 tờ bản đồ số 24 diện tích 408m² cho hộ bà Phạm Thị Chờ là đúng chủ trương của HTX thời điểm năm 2003.*

Văn bản số 1512/UBND-BBT ngày 30/3/2016 của UBND huyện M về việc trả lời đơn khiếu nại của ông Trương Quang T. Nội dung: *Việc ông T có đơn đòi quyền sử dụng đất nông nghiệp tại thửa đất số 257, tờ bản đồ số 24 diện tích 408m² trong khi thực hiện chính sách đất đai tại địa phương đã giao cho hộ bà Phạm Thị C sử dụng ổn định từ năm 2003 đến năm 2008 dự án V thu hồi đất là không có cơ sở xem xét.*

Ngày 29/9/2017, UBND huyện M ban hành văn bản số 5523/UBND – TNMT về việc giao Thanh tra huyện thẩm tra Giấy chứng nhận mang tên hộ bà Phạm Thị S. Trong quá trình UBND huyện giải quyết, ông T gửi đơn khởi kiện đến Tòa án và đã được Tòa án thụ lý nên UBND huyện không giải quyết nội dung thẩm tra Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Phạm Thị S.

Ông Trương Quang T trình bày: Ngày 27/11/2001, gia đình ông T được UBND huyện Mchấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U471625 đối với 11 thửa đất trồng lúa, trồng rau màu tại xã T thời hạn sử dụng đến tháng 10/2013, trong đó có thửa đất số 257, tờ bản đồ số 24, diện tích 408m² tại Gò Táo, xã T, huyện M. Năm 2008, thửa đất số 257 này đã bị thu hồi để thực hiện dự án Khu nhà nghỉ và biệt thự Nam Sơn của Công ty Cổ phần V. Tuy nhiên, khi thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất bị thu hồi này, UBND huyện lại chi trả cho hộ gia đình khác là hộ bà Phạm Thị C mà không thực hiện chi trả cho gia đình ông. Ông T đã kiến nghị nhiều lần nhưng không được UBND huyện Mchấp nhận.

Ông T khởi kiện yêu cầu tuyên bố hành vi hành chính của UBND huyện M là trái quy định pháp luật và yêu cầu thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông đối với diện tích đất 408m² tại thửa đất số 257, tờ bản đồ số 24 tại Gò Táo, xã T, huyện M theo đúng quy định pháp luật.

Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện M trình bày:

Năm 2001, hộ gia đình ông Trương Quang T được UBND huyện Mchấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 471625 (vào sổ số 01847 QSDĐ/691/QĐ-UB) ngày 27/11/2001 (đứng tên chủ hộ là bà Phạm Thị S), trong đó có thửa đất số 257, tờ bản đồ số 24, diện tích 408m² (tuy nhiên, theo báo cáo của UBND Tiền Phong thửa đất này là đất giao thầu cho hộ bà S, không phải là đất nông nghiệp quỹ 1 và có sự sai sót khi kê khai và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này). Năm 2003, hộ bà Phạm Thị C sau khi đã trả hết nợ sản phẩm, được Hợp tác xã thôn D điều chuyển thửa đất số 257, tờ bản đồ số 24, diện tích 408m² của hộ bà Phạm Thị S để giao cho canh tác và sử dụng ổn định. Năm 2008, dự án của Công ty cổ phần V triển khai thực hiện thu hồi đất và giải phóng mặt bằng, thửa đất số 257, tờ bản đồ số 24, diện tích 408m² được UBND xã T kê khai và xác nhận là của hộ bà Phạm Thị C (đã được giao và sử dụng ổn định từ 2003 đến thời điểm thu hồi đất). Căn cứ hồ sơ kê khai và xác nhận của UBND xã, UBND huyện M đã ban hành Quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường cho hộ bà Phạm Thị C là chủ sử dụng đất đối với thửa đất trên. Sau khi có quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường cho hộ bà Phạm Thị C, ông Trương Quang T có kiến nghị về việc đề nghị được bồi thường cho gia đình ông đối với thửa đất số 257, tờ bản đồ số 24, diện tích 408m² thu hồi vào dự án của Công ty V.

Căn cứ nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất do UBND xã T xác nhận đối với thửa đất mà ông Trương Quang T trình bày, khẳng định việc UBND huyện M thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho hộ bà Phạm Thị C là đúng quy định của pháp luật.

Đối với việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 257, tờ bản đồ số 24, diện tích 408 m² cho hộ bà Phạm Thị S, UBND huyện M đã giao Thanh tra huyện kiểm tra, kết luận, tham mưu UBND huyện giải quyết (tại Văn bản số 5523/UBND-TNMT ngày 29/9/2017). Tuy nhiên, đang trong quá trình Thanh tra huyện kiểm tra, xác minh thì vụ việc được Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết, do vậy UBND huyện chưa ban hành kết luận vụ việc để chờ quyết định của Tòa án. Sau khi có kết quả giải quyết của Tòa án, Ủy ban

nhân dân huyện M sẽ điều chỉnh trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà S theo quy định.

Ủy ban nhân dân huyện M đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã T trình bày: Theo hồ sơ do UBND xã quản lý thì thửa đất ông Trương Quang T đang đề nghị giải quyết được thể hiện:

Tại tờ khai diện tích tính thuế sử dụng đất nông nghiệp và đất ở nông thôn lập năm 1999 của gia đình ông Trương Quang T (đứng tên bà Phạm Thị S là vợ ông T) thì thửa đất số 257 tờ bản đồ số 24, diện tích 408,0 m² tại xứ đồng Gò Táo thuộc quỹ đất đầu thầu (đất quỹ 2).

Gia đình ông Trương Quang T đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01847 QSDĐ/691/QĐ-UB ngày 27/11/2001 mang tên bà Phạm Thị S, với 11 thửa đất nông nghiệp có tổng diện tích là 2889,0 m² (trong đó có thửa đất số 257 tờ bản đồ số 24, diện tích 408,0 m² tại xứ đồng Gò Táo ông T đang đề nghị giải quyết). Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 257 tờ bản đồ số 24, diện tích 408,0 m² tại xứ đồng Gò Táo là do sai sót trong quá trình kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Căn cứ vào hồ sơ quản lý đất đai lưu tại UBND xã T, thông qua công tác làm việc xác minh giải quyết đơn thư của ông Trương Quang T. Việc UBND xã T lập hồ sơ đề nghị UBND huyện M, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp thửa đất số 257 tờ bản đồ số 24 diện tích 408,0m², ngày 27/11/2001 chủ sử dụng là hộ bà Phạm Thị S là có sự sai sót do thửa đất trên là đất quỹ 2 do UBND xã quản lý, gia đình bà Phạm Thị S (vợ ông T) thuê thầu sản xuất đã được thể hiện tại tờ khai diện tích tính thuế sử dụng đất nông nghiệp và đất ở nông thôn. Đối với việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 257, tờ bản đồ số 24, diện tích 408 m² cho hộ bà Phạm Thị S, UBND huyện M đã giao Thanh tra huyện kiểm tra, kết luận, tham mưu UBND huyện giải quyết (tại Văn bản số 5523/UBND-TNMT ngày 29/9/2017). Tuy nhiên, đang trong quá trình Thanh tra huyện kiểm tra, xác minh thì vụ việc được Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết, do vậy UBND huyện chưa ban hành kết luận vụ việc để chờ quyết định của Tòa án.

Ủy ban nhân dân xã T nhất trí với Quyết định số 3488/QĐ-UBND ngày 27/4/2011 của UBND huyện M về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung khác đợt 1 khi Nhà nước thu hồi đất Công trình: Xây dựng khu biệt thự và nhà nghỉ Nam Sơn. Trong đó phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ Bà C và hộ bà S. Hộ bà S (vợ ông T) có bị thu hồi các thửa đất số 166, 345, 656 và đã được bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất của dự án này.

Ủy ban nhân dân xã T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Các thành viên hộ gia đình ông Trương Quang T là bà Trương Thị H, Trương Thị T, Trương Thị H, Trương Thị H1 thống nhất với nội dung trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác là bà Phạm Thị C trình bày: Bà C là xã viên Hợp tác xã nông nghiệp và cùng tham gia sản xuất nông nghiệp như các hộ nông nghiệp khác trong đó có hộ bà Phạm Thị S. Theo bà

được biết hộ bà S có được Hợp tác xã giao thầu phần diện tích đất 408m² thuộc thửa số 257. Đến năm 2003, hộ gia đình bà sau khi trả hết nợ sản lượng đã được Hợp tác xã thôn D điều chuyển thửa đất số 257 của hộ gia đình bà S để giao lại cho hộ gia đình bà canh tác và gia đình bà đã sử dụng ổn định từ năm 2003 cho đến khi bị thu hồi đất. Phần diện tích đất này hộ gia đình bà bị thu hồi theo Quyết định số 3562/QĐ-UB ngày 06/6/2008 và được bồi thường, hỗ trợ. Gia đình bà đã nhận bồi thường đối với diện tích đất này cùng với các thửa đất khác của gia đình bị thu hồi để thực hiện dự án này. Hộ gia đình bà S cũng bị thu hồi một số thửa đất và được đền bù, hỗ trợ như gia đình bà. Quá trình chuyển đổi đất từ hộ bà S sang hộ gia đình bà, bà S không có ý kiến thắc mắc gì và chỉ đến khi bà S chết, ông T mới đi khiếu kiện.

Tại phiên tòa, ông Trương Quang T giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T sau khi trình bày bản luận cứ đã đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

**** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa:***

Về hoạt động tiến hành tố tụng của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội là đúng và đầy đủ quy định của pháp luật. Đương sự đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 3; khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 116 Luật TTHC, Luật Đất đai 2013, Nghị quyết 326/NQ-HĐTP ngày 30/12/2016.

Xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

Kiến nghị UBND huyện M trong quá trình thực hiện chức năng nhiệm vụ quản lý đất đai tại địa phương cần theo dõi thống kê việc sử dụng đất đảm bảo đúng quy định. Đối với Giấy chứng nhận đứng tên bà Phạm Thị S, bà S không sử dụng diện tích đất 408m² cần thu hồi chính trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phù hợp với thực tế sử dụng đất.

Về án phí: ông T là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp án phí hành chính sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng

Ông Trương Quang T khởi kiện hành vi hành chính của UBND huyện M về việc thu hồi đất của hộ gia đình ông mà không thực hiện bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất bị thu hồi là 408m² thuộc thửa đất số 257 Xứ đồng Gò Táo, thôn D, xã T, huyện M cho gia đình ông. Đây là hành vi của cơ quan hành chính nhà nước trong lĩnh vực quản lý đất đai quy định tại khoản 3, 4 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính nên thuộc đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính.

Đơn khởi kiện của ông Trương Quang T gửi Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đảm bảo về thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

Người bị kiện là UBND huyện M, thành phố Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội theo quy định tại Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

Tại phiên tòa, người bị kiện là UBND huyện M, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã T, Công ty Cổ phần V, bà Trương Thị H, bà Trương Thị H1 và bà Phạm Thị C có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 158 Luật Tố tụng hành chính để tiếp tục phiên tòa.

[2] Về nội dung và các yêu cầu khởi kiện:

Diện tích đất 408m², thửa đất số 257, tờ bản đồ số 24, xứ Gò Táo, thôn D, xã T, huyện M nằm trong 11 thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 471625 (vào sổ số 01847 QSDĐ/691/QĐ-UB) ngày 27/11/2001 cho hộ nông nghiệp mang tên bà Phạm Thị S (vợ ông Trương Quang T).

Quá trình sử dụng đất: Hộ bà Phạm Thị C và hộ bà Lê Thị Láng là hai hộ bị giữ ruộng do nợ sản phẩm từ những năm trước, đến năm 2003 đã trả xong nợ sản phẩm và có đơn đề nghị thôn trả lại diện tích đất nông nghiệp được giao theo tiêu chuẩn của Quyết định 450/QĐ-UB ngày 19/5/1992 và Quyết định số 159/QĐ-UB ngày 08/02/1994 của UBND tỉnh Vĩnh Phú nhưng bị giữ lại do nợ sản phẩm. Cán bộ thôn D thời điểm đó đã rà soát diện tích đất nông nghiệp của các hộ gia đình trong thôn và rút diện tích đất nông nghiệp quỹ 2 của 04 hộ trong thôn là hộ ông Phạm Chí V, hộ ông Phạm Văn T, hộ ông Đoàn Đức T, hộ bà Phạm Thị S để trả cho hộ Bà C và hộ bà L. Trong đó rút thửa đất số 257 tờ bản đồ số 24, diện tích 408,0 m² tại xứ đồng Gò Táo của hộ bà Phạm Thị S (vợ ông Trương Quang T) để điều chỉnh sang cho hộ bà Phạm Thị C. Hộ gia đình bà Phạm Thị C đã sử dụng thửa đất số 257 tờ bản đồ số 24, diện tích 408,0 m² từ năm 2003 đến năm 2008 gia đình bà Phạm Thị S không có ý kiến thắc mắc gì. Năm 2008 Công ty cổ phần V vào đầu tư, thực hiện dự án trên địa bàn xã đã thực hiện các bước thu hồi đất theo quy định và đến năm 2011 thì dự án trả tiền đền bù GPMB cho hộ bà Phạm Thị C.

Tại thời điểm chia ruộng theo Quyết định 450/QĐ-UB ngày 19/5/1992 và Quyết định số 159/QĐ-UB ngày 08/02/1994 của UBND tỉnh, Vĩnh Phú hộ gia đình bà Phạm Thị S (vợ ông Trương Quang T) có tổng số 06 khẩu, trong đó có 01 nam, 05 nữ. Xét duyệt khẩu chia ruộng được 05 khẩu (vì có 1 khẩu ông Trương Quang T là cán bộ nghỉ hưu, không phải là xã viên hợp tác xã). Trên địa bàn thôn D tại thời điểm chia ruộng một khẩu được chia diện tích là: 432.0 m² (1 sào 03 thước). Và theo tiêu chuẩn thì hộ bà Phạm Thị S được giao diện tích là: 5 khẩu X 432 m²/khẩu = 2160,0 m².

Tại Tờ khai diện tích tính thuế sử dụng đất nông nghiệp và đất ở nông thôn lập năm 1999 của gia đình ông Trương Quang T (đứng tên bà Phạm Thị S vợ ông T) thì thửa đất số 257 tờ bản đồ số 24, diện tích 408,0 m² tại xứ đồng Gò Táo thuộc quỹ đất đầu thầu (đất quỹ 2).

Gia đình ông Trương Quang T đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01847 QSDĐ/691/QĐ-UB ngày 27/11/2001 mang tên bà Phạm Thị S, với 11 thửa đất nông nghiệp có tổng diện tích là 2889,0 m² (trong đó có thửa đất số 257 tờ bản đồ số 24, diện tích 408,0 m² tại xứ đồng Gò Táo mà ông T đang đề nghị giải quyết). Căn cứ vào hồ sơ quản lý đất đai lưu tại UBND xã T, thông qua công tác làm việc xác minh giải quyết đơn thư của ông Trương Quang T. Việc UBND xã T lập hồ sơ đề nghị UBND huyện M, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp thửa đất số 257 tờ bản đồ số 24 diện tích 408,0m², ngày 27/11/2001 chủ sử dụng là hộ bà Phạm Thị S là có sự sai sót thửa đất trên là đất quỹ 2 do UBND xã quản lý, gia đình bà Phạm Thị S (vợ ông T) thuê thầu sản xuất đã được thể hiện tại tờ khai diện tích tính thuế sử dụng đất nông nghiệp và đất ở nông thôn.

Khi Dự án xây dựng Khu Biệt thự và Nhà nghỉ Nam Sơn vào địa phương, UBND xã đã quy chủ diện tích 408,0 m² cho gia đình bà Phạm Thị C là người thực tế canh tác từ năm 2003 đến nay. Đồng thời niêm yết danh sách công khai tại Trụ sở Nhà văn hoá thôn, không có ý kiến và thắc mắc gì nên Công ty Cổ phần V đã trả bồi thường diện tích 408m² của thửa đất số 257 cho bà Phạm Thị C. (Theo bản đồ hiện trạng thu hồi và giao đất cho Công ty Cổ phần V là thửa đất số 477).

Việc ông Trương Quang T cho rằng gia đình ông được quyền sử dụng diện tích đất nông nghiệp 408,0 m² này trong khi thực hiện chính sách đất đai địa phương đã giao cho hộ bà Phạm Thị C sử dụng ổn định từ năm 2003 đến năm 2008 là không có cơ sở theo quy định khoản 5 điều 26 Luật đất đai năm 2013: *“Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”*. Ngoài ra, ông T không cung cấp được tài liệu chứng cứ liên quan đến quá trình gia đình ông đã sử dụng diện tích đất này từ năm 2003 đến 2008.

Do đó, khi thực hiện Dự án V, UBND huyện M xác định diện tích đất nông nghiệp 408,0 m² tại thửa đất số 257 (477) tờ bản đồ số 24 giao cho hộ bà Phạm Thị C và thực hiện việc giải phóng mặt bằng thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ đảm bảo đúng quy định Luật Đất đai năm 2003. UBND huyện M đã ban hành quyết định thu hồi đất của hộ bà Phạm Thị C và phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng, công ty V đã thực hiện giải ngân cho gia đình bà Phạm Thị C và đã san gạt mặt bằng thửa đất. Mặt khác, hộ bà Phạm Thị S cũng có 02 thửa đất nông nghiệp quỹ 1 được giao bị thu hồi vào Dự án này của Công ty V đó là thửa đất số 166 (diện tích 372m²) và thửa đất số 345 (380,8m²). Hộ bà S đã nhận bồi thường hỗ trợ và đền bù đối với 2 thửa đất bị thu hồi này và không có ý kiến thắc mắc, khiếu nại gì.

Như vậy, từ phân tích, đánh giá nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Quang T nên có cơ sở để bác yêu cầu khởi kiện này. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính xử bác các yêu cầu khởi kiện của ông Trương Quang T.

Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Phạm Thị S công nhận quyền sử dụng 408,0 m² tại thửa đất số 257 (477) tờ bản đồ số 24 được xác định là UBND huyện M và UBND xã T có sai sót, không đúng thực tế. Do vậy, Hội đồng xét xử kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện M thực hiện việc điều chỉnh diện tích đất này trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 01847/QSĐĐ/691/QĐ – UB ngày 27/11/2001 của Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho hộ gia đình bà Phạm Thị S theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Trương Quang T không được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí hành chính sơ thẩm với số tiền 300.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính và khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, ông T là người cao tuổi, nên căn cứ Luật Người cao tuổi, Luật Phí và lệ phí Tòa án, Nghị quyết 326/2016, Hội đồng xét xử quyết định miễn nộp án phí hành chính sơ thẩm cho ông T.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 204 và Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử.

Từ nhận định trên,

Căn cứ khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 158; khoản 1 và điểm a, khoản 2 Điều 193, Điều 194; Điều 204; Điều 206; khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật Đất đai.

Luật Phí và Lệ phí; Luật Người cao tuổi; Nghị quyết 326/2016 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Bác các yêu cầu khởi kiện của ông Trương Quang T.

2/ Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện M thực hiện việc điều chỉnh đính chính phần diện tích đất 408,0 m² tại thửa đất số 257 tờ bản đồ số 24 tại xã T, huyện M, thành phố Hà Nội được công nhận quyền sử dụng trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 471625 ngày 27/11/2001 (vào sổ 01847/QSĐĐ/691/QĐ – UB) theo đúng quy định của pháp luật.

3/ Về án phí hành chính sơ thẩm, ông Trương Quang T được miễn nộp án phí.

4/ Ông Trương Quang T, bà Trương Thị H, bà Trương Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị kiện là UBND huyện M, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã T, Công ty Cổ phần

V, bà Trương Thị H, bà Trương Thị H1 và bà Phạm Thị C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ/ VPTA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hồng Lam

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

